

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Bản án số: 25/2020/DS-PT  
Ngày: 22 – 12 – 2020  
V/v tranh chấp chậm thực hiện  
nghĩa vụ trả tiền.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử Ph thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.  
Bà Đỗ Thị Thắm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử Ph thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Ph thẩm số: 38/2020/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh T (tên thường gọi là Ồm); cư trú tại: thôn N, xã H, huyện A, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph; cư trú tại: Thôn 9, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn Ti; cư trú tại: Thôn 9, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Văn Gi; cư trú tại: Thôn L, xã H, huyện A, tỉnh Bình Định.

2. Ông Nguyễn Văn L; cư trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

3. Ông Trần Thanh Lc; cư trú tại: Thôn H, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị Ph là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:*

Từ năm 2014 đến năm 2017, bà Nguyễn Thị Ph có cho tài xế đưa 02 xe ô tô hiệu Chiến Thắng và 01 xe đào đất đến tiệm của ông để sửa chữa, thay thế phụ tùng của 03 phương tiện nói trên, trong quá trình sửa chữa, thay thế phụ tùng bà Ph đã thanh toán và còn nợ tiền của ông, cụ thể như sau:

Cuối năm 2014, bà Ph còn nợ 67.690.000 đồng, bà Ph có trả được ba lần với số tiền tổng cộng là: 37.690.000đ, cụ thể: ngày 30/12/2014 trả 7.690.000 đồng, ngày 16/6/2015 trả 20.000.000 đồng, ngày 29/12/2015 trả 10.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Năm 2015, tiếp tục sửa chữa, thay thế phụ tùng với số tiền nợ là 27.212.000 đồng. Năm 2016, tiếp tục sửa chữa, thay thế phụ tùng với số tiền nợ là 10.585.000 đồng và năm 2017, tiếp tục sửa chữa có nợ 6.710.000 đồng. Tổng cộng từ năm 2014 đến năm 2017, bà Ph còn nợ của ông 74.507.000 đồng. Ngày 29/12/2017, ông có đến nhà bà Ph để đối chiếu công nợ và bà Ph đã ký xác nhận vào sổ nợ. Sau đó, ông đã đến nhà bà Ph đòi nợ nhiều lần, bà Ph cứ hẹn nhưng không trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà Ph phải trả đủ số tiền gốc 74.507.000 đồng và tiền lãi từ năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph, trình bày:*

Năm 2014, 2015, 2016, khi vợ chồng bà còn là chủ doanh nghiệp, có sở hữu 02 xe hiệu Chiến Thắng và 01 xe đào. Tài xế chạy 02 xe Chiến Thắng là ông Trần Thanh Lc và ông Nguyễn Văn L, còn xe đào do ông Bùi Văn Gi chạy. Trong quá trình chạy xe, nếu bị hư hỏng thì xe Chiến Thắng được đưa đến tiệm sửa chữa xe của ông T (thôn Xuân Phong Nam, xã H) để sửa. Riêng đối với xe đào thì ông T không sửa được nên mỗi lần bị hư hỏng thì đưa đến tiệm của ông Lê Thanh Kiếm (Thôn L, xã H) để sửa chữa. Sau khi sửa chữa xe chiến thắng, tài xế báo lại với bà, còn việc nợ và thanh toán tiền là do bà với ông T đối chiếu vào sổ.

Vào đêm ngày 30 tháng chạp năm 2017, ông T có đem sổ sách đến nhà bà để đối chiếu công nợ và buộc bà phải ký vào sổ nợ của ông T đã ghi, vì lo công việc tết cho gia đình, bà đã ký vào sổ nợ và có nói “chị ký thì ký chứ chị còn phải tính lại các chi tiết mà tài xế đã sửa”. Từ đó ông T cho rằng bà đã ký vào sổ nợ 74.507.000 đồng để đòi nợ và kiện bà. Bà thừa nhận số tiền đã trả ba lần cho ông T trong năm 2014 và năm 2015 là 37.690.000 đồng và còn nợ tiền sửa chữa 02 xe hiệu Chiến thắng của anh T từ năm 2014 đến năm 2016 là 41.795.000 đồng. Không

chấp nhận khoản nợ 74.507.000 đồng do ông T ghi sai như: Ông Gi sửa xe đào năm 2014 số tiền là 985.000 đồng (vì thời gian này ông Gi chưa vào làm), năm 2015 số tiền là 3.355.000 đồng (vì ông Gi không sửa xe đào ở tiệm ông T mà sửa ở tiệm ông Kiếm), khoản tiền ông Ti sửa xe Chiến Thắng năm 2017 là 6.710.000đ (vì năm 2017 bà bị phá sản, đã giải thể doanh nghiệp) và số tiền ông T tính sai là 21.662.000 đồng. Bà không chấp nhận tính lãi suất theo yêu cầu của ông T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Ti trình bày:*

Ông thống nhất như trình bày và ý kiến của vợ ông là bà Nguyễn Thị Ph. Vợ chồng ông chấp nhận trả cho ông T 41.735.000 đồng, không thống nhất trả khoản tiền ông Gi sửa xe đào năm 2014, 2015 và sửa xe chiến thắng năm 2017 theo yêu cầu của ông T.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định đã quyết định:*

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Ph và ông Trần Văn Ti phải trả cho ông Lê Minh T số tiền là 94.357.533 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/9/2020, bà Nguyễn Thị Ph kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Không chấp nhận những chứng từ không có ngày tháng năm, không chấp nhận loại chứng từ không có người xác nhận trong giấy nợ. Tại phiên tòa bà Ph bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo không chấp nhận số tiền sửa chữa xe đào, không chấp nhận tiền sửa chữa xe Chiến Thắng năm 2017.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn Ph thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX Ph thẩm nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph, HĐXX Ph thẩm thấy rằng:

[1.1] Về số tiền sửa xe đào năm 2014 và năm 2015 : Ông Lê Minh T cho rằng năm 2014, bà Ph sửa chữa, thay thế phụ tùng xe đào với số tiền là 985.000 đồng và năm 2015 là 3.355.000 đồng, tổng cộng là 4.340.000 đồng. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2020 người làm chứng là ông Bùi Văn Gi đã khai: “...Tôi chạy xe đào cho bà Ph (bà Ph thuê tôi chạy xe đào) vào khoảng năm 2015. Tôi làm cho và Ph khoảng 1 năm thì tôi nghĩ không làm nữa....Tôi sửa xe đào mà anh T không sửa xe đào chỉ sửa xe Chiến Thắng nên tôi chưa từng đưa xe đến tiệm của anh T để sửa xe và anh T cũng chưa từng sửa xe đào vì anh T không có romoc để kéo xe về sửa. Mỗi lần xe hư là anh Kiếm (ở Thôn L, xã H) sửa chứ không phải anh T... Tôi khẳng định trong quá trình bà Ph thuê tôi chạy xe đào, anh T chưa từng sửa xe đào và tôi cũng chưa từng đem xe đến tiệm của anh T để anh T...” (BL: 26) và tại Biên bản làm việc ngày 12/6/2020 người làm chứng ông Lê Thanh Kiếm đã khai: “...Khi còn làm doanh nghiệp cách đây khoảng 5, 6 năm gì đó, tài xế chạy xe đào cho bà Ph có đem xe đào đến chỗ tôi để sửa, tài xế xe đào lúc đó có anh Gi và một người nào đó tôi không biết. Bà Ph chỉ sửa xe đào tại chỗ tôi, xe đào thì lâu lâu mới sửa một lần, xe đào không như xe Chiến Thắng mà sửa thường xuyên...” (BL: 143). Như vậy, lời khai của những người làm chứng phù hợp với lời khai của bà Ph, ông Ti về thời gian năm 2014 thì ông Gi chưa làm tài xế cho bà Ph và bà Ph chỉ sửa chữa xe đào tại tiệm của ông Kiếm nên cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà Ph phải thanh toán tiền sửa chữa xe đào cho ông T là không có căn cứ. Kháng cáo của bà Ph về phần này là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[1.2] Về số tiền sửa xe Chiến Thắng năm 2017: Ông Lê Minh T cho rằng năm 2017 ông Trần Văn Ti ở thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần điện thoại năn nỉ ông sửa xe và hứa khi về sẽ trả tiền liền cho ông và vợ chồng bà Ph đã cho tài xế Nguyễn Văn L và có khi là ông Ti đem xe đến tiệm của ông để sửa chữa, thay thế phụ tùng xe Chiến Thắng với số tiền là 6.710.000 đồng. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2020 người làm chứng ông Nguyễn Văn L đã khai: “... Tôi làm công cho bà Ph, tôi là tài xế chạy xe Chiến Thắng cho bà Ph từ năm 2014 đến năm 2016 còn anh T là thợ sửa xe mà tôi hay đem xe đến sửa...năm 2017 tôi không có chạy xe cho bà Ph, tôi chạy xe cho ông Nghè nên không có việc tôi sửa xe Chiến Thắng của bà Ph tại tiệm sửa xe của ông T. Tôi làm cho bà Ph trong 3 năm 2014, 2015, 2016...” (BL: 25). Như vậy, lời khai của ông L phù hợp với lời khai của vợ chồng bà Ph, ông Ti, những người làm chứng khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về việc do làm ăn thua lỗ nhiều năm nên doanh nghiệp của vợ chồng bà Ph đã không còn hoạt động vào cuối năm 2016, sang năm 2017 thì ông L không còn làm việc cho vợ chồng Bà Ph mà đã đến làm việc cho ông Nghè và cũng trong thời

gian này thì ông Ti đã vào thành phố Hồ Chí Minh để trốn nợ nên không thể tự mình đem xe đến cho ông T sửa. Do đó, cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà Ph, ông Ti phải thanh toán cho ông T 6.710.000 tiền sửa xe Chiến Thắng năm 2017 là không có căn cứ. Kháng cáo của bà Ph về phần này là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[1.3] Về số tiền 21.662.000 đồng: Bà Nguyễn Thị Ph không đồng ý thanh toán cho ông T 21.662.000 đồng tiền sửa chữa, thay thế phụ tùng vì cho rằng trong sổ ghi chi tiết việc sửa chữa, thay phụ tùng xe có một số mục không ghi ngày tháng hoặc không có chữ ký xác nhận của tài xế hoặc do ông T ghi không, vì ông T chỉ sửa chữa xe chứ không bán phụ tùng xe. Tuy nhiên, những người làm chứng là ông Trần Thanh Lc khai: “...*Có sửa xe, anh T ghi sổ tôi có ký tên vào sổ...*” (BL: 27), ông Nguyễn Văn L khai: “...*Tôi đem xe đến sửa thì anh T nói tôi ký vào sổ nợ thì tôi ký...*”. Điều đó chứng tỏ thực tế có xảy ra việc sửa chữa, thay thế phụ tùng xe thì tài xế của vợ chồng bà Ph mới ký xác nhận vào sổ của ông T. Lẽ ra, vợ chồng bà Ph chỉ phải thanh toán cho ông T các khoản tiền trong các mục ông T kê về việc sửa chữa hay hoặc thay thế phụ tùng và được tài xế ký xác nhận, nhưng ở đây cấp sơ thẩm lại buộc vợ chồng bà Ph phải thanh toán cho ông T cả những khoản tiền trong các mục ông T kê nhưng không có chữ ký xác của tài xế là không có cơ sở. Do đó, HĐXX Ph thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ph về việc không đồng ý thanh toán các khoản tiền do ông T kê nhưng không có tài xế ký xác nhận, còn những khoản tiền ghi sai ngày tháng hoặc thay thế phụ tùng có tài xế ký xác nhận thì không được HĐXX chấp nhận. Tổng cộng các khoản tiền ông T kê không có xác nhận của tài xế (liệt kê từ sổ kê tiền các mục sửa chữa, thay phụ tùng xe Chiến Thắng của ông T giao cho bà Ph) là: 4.370.000 đồng.

[1.4] Như vậy, tổng cộng vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph và ông Trần Văn Ti còn phải thanh toán cho ông Lê Minh T là: 74.507.000 đồng – (4.340.000 đồng + 6.710.000 đồng + 4.370.000 đồng) = 59.087.000 đồng.

[1.5] Về tiền lãi, mức lãi suất, thời gian tính lãi: Cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà Ph phải tính lãi chậm trả cho ông T theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định thời điểm phát sinh lãi chậm trả là chưa chính xác. Do đó, HĐXX Ph thẩm xác định lại thời điểm phát sinh lãi chậm trả là vào ngày liền kề của ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện của ông T tức là ngày 01/01/2020, bởi vì số tiền vợ chồng bà Ph nợ ông T không phải là tiền nợ từ hợp đồng vay tài sản và các bên không thỏa thuận thời

gian thực hiện nghĩa vụ trả tiền (BL: 01, 02), chứ không phải là ngày liền kề của ngày bà Ph ký nhận nợ là ngày 01/01/2018 như cấp sơ thẩm nhận định nên số tiền lãi vợ chồng bà Ph phải trả cho ông T, cụ thể:

Mức lãi suất 10%/năm = 0.833%/tháng;

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2020 là 8 tháng;

59.087.000 đồng x 0.833%/tháng x 8 tháng = 3.937.557 đồng.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A. Buộc vợ chồng bà Ph, ông Ti phải thanh toán cho ông T 63.024.557 đồng (trong đó có tiền sửa chữa, thay thế phụ tùng 59.087.000 đồng và tiền lãi chậm trả 3.937.557 đồng).

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lê Minh T phải chịu 1.566.648 đồng án phí dân sự sơ thẩm do một phần yêu cầu tương ứng với số tiền 94.357.533 đồng - 63.024.557 đồng = 31.332.976 đồng không được HĐXX Ph thẩm chấp nhận. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph và ông Trần Văn Ti được miễn toàn bộ án phí vì thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp Ph thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Về việc giải quyết vụ án là chưa phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 353, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 2 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê minh T. Buộc vợ chồng ông Trần Văn Ti và bà Nguyễn Thị Ph phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Minh T 63.024.557 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng (trong đó có tiền sửa chữa, thay thế phụ tùng 59.087.000 đồng và tiền lãi chậm trả 3.937.557 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Ông Lê Minh T phải chịu 1.566.648 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 1.862.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 08663 ngày 15/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bình Định. Hoàn trả lại cho ông Lê Minh T 295.352 đồng.

2.2 Vợ chồng ông Trần Văn Ti và bà Nguyễn Thị Ph được miễn toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án Ph thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PH THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Phương**

